

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 02/2018/HC-ST

Ngày: 08/11/2018

(V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ trong lĩnh vực quản lý đất đai)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ

2. Ông Nguyễn Ron

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2016/TLST-HC ngày 18 tháng 3 năm 2016 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, TP. Đà Nẵng.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2017)

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố QN

Địa chỉ: đường A, phường B, TP. QN, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hoàng N – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Phó chủ tịch

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố QN

Địa chỉ: đường A, phường B, TP. QN, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Phó chủ tịch.
(Theo văn bản ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 05/12/2017).

Ông V “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1978 “Có mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

2. Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 1975 “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

3. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1984 “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

4. Anh Phạm Thế Nh, sinh năm 1972 “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

5. Anh Phạm Triều Đ, sinh năm 1981 “Có mặt”

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

6. Anh Hồ Văn T, sinh năm 1977 “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 “Vắng mặt”. Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/12/2015, khởi kiện bổ sung ngày 04/4/2016 và các lời khai tiếp theo, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Nguyễn Doãn H trình bày:

Ngày 31/8/2004 ông Phạm Tr và bà Nguyễn Thị Hồng H được Ủy ban nhân dân TP. QN, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND TP. QN) cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 302652 tại thửa đất 204 tờ bản đồ số 1 với diện tích 2196,7m², trong đó có 200m² đất ở và 1996,7m² đất vườn tọa lạc tại tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định. Năm 2006, ông Tr bà H chuyển nhượng cho ông Trần Quang L và bà Bùi Thị Thanh Nh 280m² đất vườn, phần diện tích đất còn lại bà tiếp tục sử dụng ổn định cho đến nay. Trong 200m² đất ở, ông Tr bà H cất 01 ngôi nhà có diện tích 70m², vợ chồng ông Tr bà H sống cùng các hộ gia đình của anh Phạm Thế Nh, anh Phạm Triều Đ và chị Phạm Thị Ng, ngày 22/02/2004 vợ chồng ông bà xây thêm 01 căn nhà cho chị Phạm Thị Hồng Nh với diện tích 67,5m². Đến năm 2012 ông Tr bà H tiếp tục xin cấp giấy phép xây dựng để xây dựng căn nhà 52m² cho chị Phạm Thị Hồng N, tổng cộng diện tích 03 căn nhà này là không vượt quá 200m² đất ở Nhà nước cấp cho ông bà. Năm

2015 khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn thì diện tích đất của bà H là một trong các hộ dân bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện dự án nên vào ngày 28/7/2015 UBND TP. QNh ra Quyết định số 4338/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất của bà H để phục vụ cho dự án. Ngày 10/08/2015, UBND TP. QN đã ra quyết định số 5360/QĐ-UBND phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà H với tổng số tiền là 1.789.795.791 đồng, tiếp đó đến ngày 21/09/2015 UBND TP. QN ra quyết định số 6599/QĐ-UBND phê duyệt hỗ trợ giá trị bồi thường bổ sung cho bà H thêm 11.825.683 đồng, như vậy tổng giá trị mà bà H được bồi thường sau khi bị thu hồi nhà và đất là 1.801.621.469đ. Bà H hoàn toàn đồng ý với chủ chương cũng như giá trị bồi thường theo như Quyết định 5363 và Quyết định 6599, không có khiếu nại gì. Sau đó Tổ công tác kiểm tra, đề xuất UBND Thành phố giải quyết đơn thư khiếu nại, kiến nghị của công dân liên quan đến dự án (gọi tắt là Tổ công tác) của UBND TP. QN đến địa phương để lấy ý kiến của những người dân có đất nằm trong khu vực bị giải tỏa, trong cuộc họp này bà H có ý kiến mong muốn được xem xét để được bồi thường ở mức 100% đối với giá trị bồi thường cho bà Phạm Thị Hồng N và đề nghị cấp thêm 03 lô đất cho các hộ gia đình của con bà H. Mặc dù gia đình bà H không có đơn khiếu nại gì về các quyết định bồi thường hỗ trợ của UBND TP. QN nhưng vào ngày 28/10/2015, Chủ tịch UBND TP. QN đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7565/QĐ-UBND. Sau đó, ngày 07/12/2015 UBND thành phố QN lại ban hành tiếp Quyết định 8483/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giá trị bồi thường cho gia đình bà H. Theo đó, UBND TP. QN cho rằng gia đình bà N xây dựng không phép nên không được hỗ trợ bồi thường, đồng thời khấu trừ đi số tiền 329.751.349 đồng. Số tiền sau khi giảm trừ của gia đình bà H còn lại là 1.471.870.124 đồng. Việc Chủ tịch UBND TP. QN tự ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 là không đúng với quy định của pháp luật giải quyết khiếu nại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Đồng thời ngôi nhà ông Trọng bà Hạnh xây cho bà Phạm Thị Hồng N được xây dựng trên đất hợp pháp và có giấy phép xây dựng nhưng UBND TP. QN ra Quyết định 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 không hỗ trợ bồi thường là trái quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quyết định 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của tỉnh Bình Định: “Đối với nhà và công trình kiến trúc được phép xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường theo diện tích nhà, công trình bị giải tỏa và đơn giá quy định tại Điều 24 quy định này”. Quyết định số 13 có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, đồng thời Quyết định này thay thế Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Nhưng tại Quyết định số 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN lại áp dụng Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã hết hiệu lực thi hành là trái với quy định tại Điều 56 Luật ban hành văn bản vi phạm pháp luật năm 2015.

Quyết định 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN cũng không tuân thủ về hình thức và nội dung theo mẫu 15-KN ban hành kèm theo thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại. Việc UBND TP. QN đã tự chủ lấy ý kiến của gia đình bà Hạnh làm căn cứ để thụ lý giải quyết khiếu nại là không đúng, trái với quy định của pháp luật về khiếu nại, giải quyết vụ việc không đúng với trình tự thủ tục và áp dụng văn bản hết hiệu lực.

Do đó, bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Tòa án xem xét hủy các Quyết định sau: Quyết định số 7565/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố QN, tỉnh Bình Định; Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện, ông Nguyễn Công V trình bày:

Sau khi ra Quyết định 4338/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 về việc thu hồi toàn bộ diện tích của bà Nguyễn Thị Hồng H, Ủy ban nhân dân TP. QN tiếp tục ban hành quyết định số 5355/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đề xuất UBND Thành phố giải quyết đơn thư khiếu nại, kiến nghị của công dân liên quan đến dự án: nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn do ông Nguyễn Minh T làm tổ trưởng.

Ngày 12/6/2015, hộ bà Nguyễn Thị Hồng H (trú tại tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định) là hộ dân có đất bị ảnh hưởng trong dự án, có đơn yêu cầu giao 06 lô đất tái định cư tại khu Núi Mồ côi vì hộ Bà có đất bị ảnh hưởng trong dự án: nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn. Trên cơ sở nội dung đơn của hộ bà H và hồ sơ bồi thường do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chuyển giao, Tổ công tác đã kiểm tra hồ sơ, nội dung đơn của bà H.

Ngày 18/9/2015, đại diện Tổ công tác làm việc với bà H, bà H trình bày: Năm 2004, bà được UBND Thành phố QN cấp GCN.QSD đất với 200m² đất ở và 1996,7m² đất vườn. Năm 2006, bà chuyển nhượng cho ông Trần Quang L 280m² đất vườn, phần diện tích đất còn lại bà tiếp tục sử dụng. Hiện nay, Nhà nước thu hồi toàn bộ đất của bà nhưng bồi thường giá đất vườn thấp so với đất trồng lúa và thấp nhiều so với giá thị trường. Đồng thời, do bà chưa nhận được chính sách tái định cư nên yêu cầu sớm thông báo chính sách tái định cư cho gia đình biết và yêu cầu giao 06 lô đất tái định cư theo giá đất đối đất cho 06 gia đình trong hộ vì gia đình có 05 người con và vợ chồng Bà đều đã phân chia đất để cất nhà ở trên thửa đất này. Riêng phần nhà, vật kiến trúc của bà N (con bà

H) chỉ hỗ trợ 80% là chưa hợp lý vì nhà bà N xây dựng có giấy phép nên đề nghị xem xét lại.

Ngày 25/9/2015, Tổ công tác giải quyết đơn thư đã họp để kiểm tra hồ sơ của bà H. Trên cơ sở hồ sơ hiện có, thể hiện: Hộ gia đình bà H có đất tại tổ 2, KV7, phường NP bị thu hồi toàn phần để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn. Tổng diện tích đất thu hồi thực tế của hộ bà H là 2104,6m² gồm đất ở và đất vườn. Về nguồn gốc đất tại thời điểm cấp GCNQSD đất cho bà H, trên thửa đất thể hiện có 02 ngôi nhà (*hiện nay xác định là nhà của vợ chồng bà H và nhà của bà Phạm Thị Hồng Nh- con gái của bà H*). Tổng diện tích 02 ngôi nhà là 170,95m² như vậy nhỏ hơn diện tích đất ở được cấp GCN.QSD đất là 29,05m². Trong hồ sơ bồi thường cho bà H còn thể hiện công trình nhà ở của các con bà H, được xây dựng trên thửa đất của bà H là ông Phạm Thế Nh (*diện tích xây dựng 34,3m²*), Phạm Triều Đ (*diện tích xây dựng 32,9m²*), Phạm Thị Ng (*diện tích xây dựng 34,3m²*), Phạm Thị Hồng Nh (*diện tích nhà chính xây dựng 65,32m²*), Phạm Thị Hồng N (*diện tích nhà chính xây dựng 57,12m²*). Trong đó, bà Phạm Thị Hồng Nh được bồi thường 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc còn ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Hồng N được hỗ trợ 80% nhà cửa, vật kiến trúc.

Đối chiếu với sơ đồ nhà đất của bà H được UBND Thành phố cấp GCN vào tháng 8/2004 thì chỉ có 02 ngôi nhà được xác định là nhà của bà H và nhà bà Phạm Thị Hồng Nh, 04 ngôi nhà còn lại đều xây dựng sau tháng 7/2004 nhưng UBND phường NP xác nhận nhà bà Phạm Thị Hồng N xây dựng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 là không đúng thực tế, các nhà còn lại của ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, Phạm Thị Ng tuy UBND phường NP không xác nhận thời điểm xây dựng nhà nhưng thực tế các nhà này xây dựng sau ngày 01/7/2004 nhưng Hội đồng BT, GPMB dự án đã hỗ trợ 80% đối với công trình nhà cửa, vật kiến trúc cho ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Hồng N là không đúng quy định. Việc gia đình bà H cung cấp giấy phép xây dựng số 462/GPXD cấp ngày 29/5/2012 đứng tên ông Phạm Tr và cho rằng giấy phép này cấp phép cho nhà bà N nên yêu cầu bồi thường 100% giá trị nhà cho bà N là không có cơ sở vì theo hồ sơ cấp phép thì gia đình bà H được cấp phép xây dựng trên đất ở nhưng thực tế nhà bà N xây dựng trên đất vườn sau ngày 01/7/2004.

Về tái định cư: Căn cứ điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Tỉnh, hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư tại lô đất số 16, 17- *lô góc* tại khu A3 đường có lộ giới 14m khu tái định cư Đông núi Mồ Côi, phường NP, tổng diện tích 02 lô đất là 234,63m².

Từ kết quả kiểm tra hồ sơ nêu trên, Tổ công tác kết luận: Căn cứ quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định quy định về bảng giá các loại đất trên toàn Tỉnh thì bồi thường đất nông nghiệp cho hộ bà H theo đơn giá 74.000đ/m² là đúng quy định. Căn cứ điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định quy định thì hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư là đúng quy định.

Đối với nội dung bà H yêu cầu xem xét mức bồi thường nhà cho bà Phạm Thị Hồng N theo mức 100% chứ không phải là 80% như hiện nay là không có cơ sở, vì căn cứ vào GCN. QSD đất đã cấp cho bà H cho thấy nhà bà N xây dựng trên đất vườn của bà H sau ngày 01/7/2004 nên theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 19 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định quy định thì phần nhà cửa, vật kiến trúc của bà N không được bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, theo hồ sơ bồi thường của hộ bà H thì nhà bà N được hỗ trợ 80% là trái quy định.

Đồng thời, qua kiểm tra hồ sơ Tổ công tác phát hiện việc hỗ trợ 80% đối với nhà cửa, vật kiến trúc xây dựng trên đất vườn sau ngày 01/7/2004 cho ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, Phạm Thị Ng cũng trái quy định tại điểm b khoản 3 điều 19 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Tỉnh. Do vậy, Tổ công tác kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo Hội đồng BT, GPMB và tái định cư của dự án điều chỉnh giảm số tiền đã hỗ trợ 80% đối với nhà, vật kiến trúc cho ông Phạm Thế Nh, ông Phạm Triều Đ, bà Phạm Thị Ng và bà Phạm Thị Hồng N.

Từ kết luận trên Tổ công tác kiến nghị UBND Thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị Hồng H theo hướng không công nhận nội dung đơn của bà H yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà cho bà Phạm Thị Hồng N và giao 06 lô đất tái định cư cho gia đình Bà.

Ngày 28/9/2015, Tổ công tác có báo cáo số 100/BC-TCT v/v báo cáo kết quả kiểm tra xác minh nội dung đơn của bà H với nội dung kết luận và kiến nghị nêu trên.

Ngày 02/10/2015, UBND Thành phố ủy quyền cho Tổ công tác tổ chức đối thoại với hộ gia đình bà H.

Ngày 13/10/2015, UBND Thành phố có ban hành thông báo số 690/TB-UBND thông báo kết luận tại buổi đối thoại giải quyết đơn cho hộ bà H.

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; căn cứ Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại năm 2011; căn cứ thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và trên cơ sở kết luận, kiến nghị của Tổ công tác. Ngày 28/10/2015, UBND Thành phố ban hành quyết định số 7565/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Hồng H.

Căn cứ quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Tỉnh v/v ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh; quyết định số 7565/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Hồng H và thông báo số 690/TB-UBND thông báo kết luận tại buổi đối thoại giải quyết đơn cho hộ bà H, UBND Thành phố ban hành quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 v/v phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà H.

Liên quan đến giá trị bồi thường cho hộ gia đình bà H, đến nay UBND Thành phố ban hành 03 quyết định là quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày

10/8/2015; Quyết định số 6599/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 và quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 nhưng quyết định số 8483/QĐ-UBND không thu hồi hoặc hủy quyết định số 5360/QĐ-UBND; Quyết định số 6599/QĐ-UBND là vì quyết định số 8483/QĐ-UBND chỉ điều chỉnh một phần giá trị bồi thường của quyết định số 5360/QĐ-UBND và Quyết định số 6599/QĐ-UBND. Như vậy cả 03 quyết định 5360/QĐ-UBND; Quyết định số 6599/QĐ-UBND và quyết định số 8483/QĐ-UBND đều có giá trị để thi hành từng phần. Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất, nhà, vật kiến trúc, cây cối, các khoản hỗ trợ khác cho hộ bà H, sau khi có quyết định số 8483/QĐ-UBND là: 1.471.870.124đ, giảm 329.751.349đ so với trước đây.

Về tái định cư: hiện nay hộ gia đình bà H được giao 03 lô đất tái định cư tại các lô đất số 17 (*diện tích 160m²*) và 18 (*lô góc, diện tích 81,87m²*) tại khu A2 lộ giới 20m và lô đất số 03 khu A2 diện tích 112m² đường lộ giới 14m (*giao đất có thu tiền sử dụng đất*) thuộc khu TĐC Đông núi Mô Côi khu vực 7,8 phường NP. TP.Quy Nhơn. Như vậy, tổng diện tích đất tái định cư giao cho bà H là 353,87m².

Việc bà H yêu cầu hủy quyết định số 7565/QĐ-UBND và quyết định số 8483/QĐ-UBND là không có cơ sở nên Chủ tịch UBND TP. QN và UBND TP. QN không đồng ý hủy các quyết định trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N trình bày: Bà Phạm Thị Hồng N thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Bà N không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế Nh trình bày: ông Phạm Thế Nh thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Ngoài ra, ông Nh có ý kiến việc ông có xây dựng trên diện tích đất của cha mẹ ông 01 lán trại để phục vụ cho việc làm vườn như nuôi gà, nuôi thỏ chứ không phải xây dựng nhà ở, đề nghị UBND TP. Quy Nhơn xem xét bồi thường hỗ trợ cho ông khi tháo dỡ lán trại của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Triều Đ trình bày: ông Phạm Triều Đ thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Ngoài ra, ông Đ có ý kiến việc ông có xây dựng trên diện tích đất của cha mẹ ông 01 lán trại để phục vụ cho việc trồng phong lan chứ không phải xây dựng nhà ở, đề nghị UBND TP. Quy Nhơn xem xét bồi thường hỗ trợ cho ông khi tháo dỡ lán trại của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng Nh trình bày: Bà Phạm Thị Hồng Nh thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Bà Nh không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ng trình bày: Bà Phạm Thị Ng thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Bà Ngọc không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Nguyễn Thị Th thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Bà Thừa không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn T trình bày: Ông Hồ Văn T thống nhất như nội dung khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H. Ông T không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện vẫn giữ nguyên các Quyết định 7576/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng H theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

I. Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ số 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN; Các quyết định nói trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật tố tụng hành chính năm 2010. Theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì khiếu kiện trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Nhưng Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn thụ lý vụ án vào ngày 18/3/2016, theo hướng dẫn quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành

chính năm 2015, thì Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Vào các ngày 15/12/2015 và ngày 04/4/2016, Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn nhận được các đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu hủy các quyết định số 7576/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010.

II. Về hình thức, nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 7675/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN.

1. Xét về hình thức của các Quyết định: Quyết định số 7675/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN

Căn cứ quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 và biểu mẫu khiếu nại lần đầu được Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an thì hình thức văn bản của Quyết định số 7576/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN được ban hành đúng quy định.

2 Xét nội dung của Quyết định 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN:

Thực hiện việc giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp mở rộng QL1D thì toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 2.104,6m² (đất ở 200m², đất vườn 1.904,6m²) và nhà, công trình xây dựng trên thửa đất số 204 tờ bản đồ số 41 tọa lạc tổ A, KVB, phường C, TP. QN, tỉnh Bình Định của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng H bị thu hồi và được hỗ trợ, bồi thường theo quy định. Sau khi xem các bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường NP, TP. QN. Vào ngày 12/6/2015, hộ bà Nguyễn Thị Hồng H là hộ dân có đất bị ảnh hưởng trong dự án, có đơn thư kiến nghị, khiếu nại yêu cầu giao 06 lô đất tái định cư tại khu Núi Mồ côi vì hộ bà H có đất bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn. Trên cơ sở nội dung đơn của hộ bà H và hồ sơ bồi thường do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chuyển giao. Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân TP QN ban hành quyết định số 5355/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đề xuất UBND Thành phố giải quyết đơn thư khiếu nại, kiến nghị của công dân liên quan đến dự án: nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1D đoạn từ ngã ba Long Vân đến bến xe khách Quy Nhơn. Sau khi thành lập, Tổ công tác đã kiểm tra hồ sơ, nội dung đơn của bà H. Ngày 18/9/2015, đại diện Tổ công tác làm việc với bà H, bà H trình bày: “Hiện nay, Nhà nước thu hồi toàn bộ đất đai của tôi, nhưng bồi thường giá đất vườn thấp so với đất trồng lúa và thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Riêng phần nhà, vật kiến trúc của bà N (con gái tôi) chỉ hỗ trợ 80% là

chưa hợp lý vì nhà bà N xây dựng có phép (hiện nay tôi chưa cung cấp) nên đề nghị xem xét lại. Ngày 25/9/2015, Tổ công tác giải quyết đơn thư đã họp để kiểm tra hồ sơ của bà H, qua quả kiểm tra hồ sơ kết luận: Căn cứ quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định quy định về bảng giá các loại đất trên toàn Tỉnh thì bồi thường đất nông nghiệp cho hộ bà H theo đơn giá 74.000đ/m² là đúng quy định. Căn cứ điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định quy định thì hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư là đúng quy định. Đối với nội dung bà H yêu cầu xem xét mức bồi thường nhà cho bà Phạm Thị Hồng N theo mức 100% chứ không phải là 80% như hiện nay là không có cơ sở, vì căn cứ vào GCNQSD đất đã cấp cho bà H cho thấy nhà bà N xây dựng trên đất vườn của bà H sau ngày 01/7/2004 nên theo quy định tại điểm b khoản 3 điều 19 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định quy định thì phần nhà cửa, vật kiến trúc của bà N không được bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, theo hồ sơ bồi thường của hộ bà H thì nhà bà N được hỗ trợ 80% là trái quy định. Vào ngày 02/10/2015, tại trụ sở UBND phường NP, TP. QN, tổ công tác đối thoại với hộ gia đình bà H, bà H ủy quyền cho anh Phạm Triều Đ (con bà H) trình bày: “Phần nhà bà N xây trên đất của cha tôi, gia đình tôi có xin giấy phép xây dựng và được Nhà nước cấp phép cho xây dựng nên chúng tôi yêu cầu được bồi thường phần nhà này”. Nhận thấy đơn và trong quá trình giải quyết đơn có nội dung liên quan đến khiếu nại của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng H. Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; căn cứ Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại năm 2011; căn cứ thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và trên cơ sở kết luận, kiến nghị của Tổ công tác. Ngày 28/10/2015, UBND Thành phố ban hành quyết định số 7565/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Hồng H là đúng quy định.

3. Xét nội dung của Quyết định 8483/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND TP. QN về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường:

Hộ gia đình bà H có tổng diện tích đất thu hồi thực tế là 2.104,6m² gồm đất ở và đất vườn. Về nguồn gốc đất tại thời điểm cấp GCN.QSD đất cho bà Hạnh, trên thửa đất thể hiện có 02 ngôi nhà (*hiện nay xác định là nhà của vợ chồng bà H và nhà của bà Phạm Thị Hồng Nh - con gái của bà H*). Tổng diện tích 02 ngôi nhà là 170,95m² như vậy nhỏ hơn diện tích đất ở được cấp GCNQSD đất là 29,05m². Trong hồ sơ bồi thường cho bà H còn thể hiện công trình nhà ở của các con bà H, được xây dựng trên thửa đất của bà H là ông Phạm Thế Nh (*diện tích xây dựng 34,3m²*), Phạm Triều Đ (*diện tích xây dựng 32,9m²*), Phạm Thị Ng (*diện tích xây dựng 34,3m²*), Phạm Thị Hồng Nh (*diện tích nhà chính xây dựng 65,32m²*), Phạm Thị Hồng N (*diện tích nhà chính xây dựng 57,12m²*). Trong đó, bà Phạm Thị Hồng Nh được bồi thường 100% giá trị nhà cửa, vật kiến trúc còn ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Hồng N được hỗ trợ 80% nhà cửa, vật kiến trúc. Đối chiếu với sơ đồ nhà đất của bà H được UBND Thành phố cấp GCN vào tháng 8/2004 thì chỉ có 02 ngôi

nhà được xác định là nhà của bà H và nhà bà Phạm Thị Hồng Nh, 04 ngôi nhà còn lại đều xây dựng sau tháng 7/2004 nhưng UBND phường NP xác nhận nhà bà Phạm Thị Hồng N xây dựng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 là không đúng thực tế, các nhà còn lại của ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, Phạm Thị Ng tuy UBND phường NP không xác nhận thời điểm xây dựng nhà nhưng thực tế các nhà này xây dựng sau ngày 01/7/2004 nhưng Hội đồng BT, GPMB dự án đã hỗ trợ 80% đối với công trình nhà cửa, vật kiến trúc cho ông Phạm Thế Nh, Phạm Triều Đ, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Hồng N là không đúng quy định.

Việc gia đình bà H cung cấp giấy phép xây dựng số 462/GPXD cấp ngày 29/5/2012 đứng tên ông Phạm Tr và cho rằng giấy phép này cấp phép cho nhà bà N nên yêu cầu bồi thường 100% giá trị nhà cho bà N là không có cơ sở vì theo hồ sơ cấp phép thì gia đình bà H được cấp phép xây dựng trên đất ở nhưng thực tế nhà bà N xây dựng trên đất vườn sau ngày 01/7/2004.

Về tái định cư: Căn cứ điều 30 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định, hộ bà H được xét giao 02 lô đất tái định cư tại lô đất số 16, 17- lô góc tại khu A3 đường có lộ giới 14m khu tái định cư Đông núi Mồ Côi, phường NP, tổng diện tích 02 lô đất là 234,63m².

Căn cứ quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Tỉnh v/v ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh; quyết định số 7565/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Hồng H và thông báo số 690/TB-UBND thông báo kết luận tại buổi đối thoại giải quyết đơn cho hộ bà H, UBND Thành phố ban hành quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 v/v phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà H. Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất, nhà, vật kiến trúc, cây cối, các khoản hỗ trợ khác cho hộ bà H, sau khi có quyết định số 8483/QĐ-UBND là: 1.471.870.124đ, giảm 329.751.349đ so với trước đây là phù hợp.

III. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hiệu ban hành:

1. Về thẩm quyền: Quyết định số 7565/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại của hộ bà Nguyễn Thị Hồng H do chủ tịch UBND TP. QN ông Ngô Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND TP. QN ký ban hành theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 v/v phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà H là của UBND TP. QN được ông Ngô Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch UBND TP. QN thay mặt UBND TP. QN ký ban hành đúng theo quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 66, Điều 69, Điều 92 Luật đất đai năm 2013.

2. Về thủ tục ban hành, thời hiệu và thời hạn ban hành:

Về trình tự, thủ tục, thời hiệu và thời hạn ban hành Quyết định số 7565/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch UBND TP. QN và Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ số 8483/QĐ-UBND ngày

07/12/2015 của UBND TP. QN ban hành phù hợp với quy định tại các Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 32 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7565/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố QN, Tỉnh Bình Định và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố QN, Tỉnh Bình Định.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/BUTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 200.000đ án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04037 ngày 17/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại các điều 30; Điều 31; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội.

- Căn cứ quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai ngày 29/11/2013; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định một số điều của Luật đất đai; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định (về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn).

- Căn cứ tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/BUTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7565/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố QN, Tỉnh Bình Định và Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố QN, Tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 200.000đ án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04037 ngày 17/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Ngô Đình Hưng